

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24-02-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Thúy Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Mì;

2. Ông Chau Rót Tha.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Khoa Trung, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Diễm – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 24 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 319/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXX-ST ngày 07 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ 3, ấp P, xã A, huyện TB, tỉnh An Giang, (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh H1, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 01, khóm T, thị trấn B, huyện TT, tỉnh An Giang, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:* Bà H và ông H1 kết hôn với nhau từ năm 2011 và có đăng ký kết hôn trễ hạn vào năm 2016 tại UBND thị trấn B, huyện TT, tỉnh An Giang. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc về sau thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân, do ông H1 không lo tu chí làm ăn, không quan tâm chăm sóc gia đình, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng không có khả năng hàn gắn. Tòa án có mời hai bên hòa giải động viên đoàn tụ, nhưng bà H xác định không còn tình cảm với ông H1. Nay bà H kiên quyết yêu

cầu xin ly hôn với ông H1.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 13/11/2012; Nguyễn Thị Kim Y, sinh ngày 17/12/2013; Lê Minh Kh, sinh ngày 01/05/2021.

Tại phiên tòa hôm nay, bà H thay đổi yêu cầu nuôi con chung, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Kh, đồng ý giao 02 cháu N và Y cho ông H1 tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng việc nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn ông Nguyễn Minh H1 trình bày:* Ông thống nhất về điều kiện đi đến hôn nhân và con chung, cả hai xây dựng gia đình từ năm 2011 và có đăng ký kết hôn vào năm 2016. Cuộc sống vợ chồng có đôi lúc bất đồng, nhưng chưa đến mức nghiêm trọng phải ly hôn với nhau, tuy tình cảm vợ chồng giữa ông và bà H không còn gắn kết như lúc trước, nhưng ông mong muốn tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này vì nghĩ đến các con, trách nhiệm vợ chồng đối với các con. Mong muốn bà H cho ông có cơ hội thay đổi. Ông không đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 13/11/2012; Nguyễn Thị Kim Y, sinh ngày 17/12/2013; Lê Minh Kh, sinh ngày 01/05/2021. Tại phiên tòa, ông yêu cầu được nuôi 02 cháu N và Y, thống nhất giao cháu Kh cho bà H nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Vụ án đã được Tòa án mở phiên hòa giải nhưng nguyên đơn không thống nhất đoàn tụ.

Tại phiên tòa, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông H.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Về thủ tục: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông H1; về con chung: Hai bên thỏa thuận giao cháu N và Y cho ông H1 nuôi dưỡng; giao cháu Kh cho bà H nuôi dưỡng, các bên không cấp dưỡng việc nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết; về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông H có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Tổ 01, khóm T, thị trấn B, huyện TT, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông H1 chung sống với nhau vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện TT, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 69, ngày 08 tháng 6 năm 2016 được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56 và 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Tại phiên tòa bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, bà H yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông H1, còn ông H1 thì không đồng ý ly hôn mà mong muốn tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân với bà H để lo cho các con. Hội đồng xét xử xét thấy, tình cảm vợ chồng của bà H và ông H1 đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H1 không chí thú làm ăn, không quan tâm gánh vác trách nhiệm cùng vợ nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, khi xảy ra mâu thuẫn, các bên không có sự quan tâm để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại biên bản xác minh ngày 03 tháng 02 năm 2023 được đại diện Văn phòng Khóm T, thị trấn B, huyện TT, tỉnh An Giang cung cấp thông tin, ông H1, bà H thỉnh thoảng có về nhà nhưng đa phần là sống ở TB do công việc làm ăn của bà H có buôn bán qua lại biên giới Việt Nam- Campuchia, nên giữa bà H, ông H1 có mâu thuẫn hay không thì Ban khóm không rõ, do bà Hường không trình báo. Tòa án đã động viên hòa giải đoàn tụ nhưng bà H vẫn cương quyết ly hôn. Ông H1 và bà H đã mâu thuẫn và ly thân trong thời gian dài, nhưng hai bên không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng. Điều đó cho thấy tình trạng vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc bà H yêu cầu ly hôn với ông H1 là có căn cứ nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

[3] Về con chung: Có 03 con chung Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 13/11/2012; Nguyễn Thị Kim Y, sinh ngày 17/12/2013; Lê Minh Kh, sinh ngày 01/05/2021. Hai bên thống nhất giao 02 cháu N và Y cho ông H1 tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu Kh cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Các bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bà H chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002538 ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị H.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn H1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 69, ngày 08 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện TT, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 13/11/2012; Nguyễn Thị Kim Y, sinh ngày 17/12/2013 cho ông H1 tiếp tục nuôi dưỡng; giao cháu Lê Minh Kh, sinh ngày 01/05/2021 cho bà H nuôi dưỡng, các bên không phải cấp dưỡng việc nuôi con.

Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở bên không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom, giáo dục, chăm sóc con. Trên cơ sở lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002538 ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn. Ông H1 không phải chịu án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

[6] Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh AG;
- VKSND tỉnh AG;
- VKSND h.Tri Tôn;
- Chi cục THADS h.Tri Tôn;
- UBND thị trấn Ba Chúc;
- Các đương sự;
- Lưu HS & VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Sơn Thị Thúy Liễu

